

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 447/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/02/2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Bà Huỳnh Tiến Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Lê Quang Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1398/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6519/2021/QĐXX-ST ngày 23 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 338/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/01/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Nhật D, sinh năm 1990 (có mặt)

HKTT: Ấp A, xã T, huyện T, Thành phố Cần Thơ

Địa chỉ: Đường Z, Tổ S, Khu phố C, phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

*Bị đơn:* Ông Trịnh Văn C, sinh năm 1979 (vắng mặt)

HKTT: Ấp A, xã T, huyện T, Thành phố Cần Thơ

Địa chỉ: Đường Z, Tổ S, Khu phố C, phường B, thành phố Thủ Đức,  
Thành phố Hồ Chí Minh

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn bà Lê Thị Nhật D thì:

Bà và ông Trịnh Văn C quen nhau năm 2007, tự nguyện tiến tới hôn nhân được Ủy ban nhân dân xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ cấp chứng nhận kết hôn số 173/2008 ngày 10/10/2008.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến giữa năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông C chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, bà D nhiều lần phải đứng ra trả nợ thay. Ông C còn thường xuyên say xỉn ghen tuông vô cớ. Hai bên gia đình đã hòa giải, khuyên can ông C nhiều lần nhưng ông vẫn không thay đổi. Từ Tháng 8/2019 vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông C.

Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Trịnh Gia Tuấn (nam), sinh ngày 26/01/2009. Không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trịnh Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập. Tuy nhiên ông C vẫn vắng mặt không có ý kiến trình bày gửi đến Tòa, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và cũng không tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa bà Lê Thị Nhật D trình bày: Bà và ông C phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019, bà và gia đình đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Con chung Trịnh Gia Tuấn hiện đang sống chung với bà D và bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trịnh Gia Tuấn, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Bà D và ông C không có tài sản chung và không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo

pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Nhật D chấp hành đúng quy định của pháp luật. Ông Trịnh Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mà không đến tòa là vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Nhật D, giao con chung Trịnh Gia Tuấn (nam), sinh ngày 26/01/2009 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Án phí bà D phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Lê Thị Nhật D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Văn C cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn khởi kiện của bà D phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Trịnh Văn C, là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên Tòa. Tuy nhiên, ông C vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông C.

[2] Về nội dung: Bà Lê Thị Nhật D và ông Trịnh Văn C kết hôn với nhau do tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ cấp chứng nhận kết hôn số 173/2008 ngày 10/10/2008 nên là hôn nhân hợp pháp.

Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông C nhưng Tòa án không nhận được trả lời của ông, chứng tỏ ông không Cn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà D.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà D, Hội đồng xét xử xét, theo lời trình bày của bà D thì sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến năm

2019 giữa bà D và ông C phát sinh mâu thuẫn do ông C chơi cờ bạc dẫn đến nợ, bà D nhiều lần phải trả nợ cho ông dẫn đến mâu thuẫn, từ đó ông C thường hay say xỉn và ghen tuông vô cớ.

Theo nội dung Văn bản số 3722/UBND ngày 13/12/2021 của Ủy ban nhân dân phường B thì trong thời gian bà D và ông C chung sống tại địa phương có phát sinh mâu thuẫn, ông Trịnh Văn C thường xuyên nhậu sủ, không quan tâm chăm lo gia đình, tình trạng mâu thuẫn trầm trọng.

Như vậy, mâu thuẫn giữa ông C, bà D là có thật, bà D và ông C đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Bà D và ông C đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng là phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau như theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Hiện nay, tình cảm vợ chồng không Cn, bà D không muốn đoàn tụ gia đình và có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là yêu cầu chính đáng phù hợp với Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ theo Giấy khai sinh số 40 ngày 19 tháng 02 năm 2009 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ cấp nên có cơ sở xác định trẻ Trịnh Gia T (nam), sinh ngày 26/01/2009 là con chung của bà D, ông C.

Bà D có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trịnh Gia T (nam), sinh ngày 26/01/2009 và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông C đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông C vẫn không đến và cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con.

Theo nội dung Văn bản số 3722/UBND ngày 13/12/2021 của Ủy ban nhân dân phường B thì hiện nay trẻ Trịnh Gia T đang sống cùng bà Lê Thị Nhật D.

Vì vậy, để ổn định về mặt thể chất cũng như tinh thần cho trẻ nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà D giao con chung Trịnh Gia T (nam), sinh ngày 26/01/2009 cho bà Lê Thị Nhật D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Các điều 51, 56, 57, 58, 59, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Luật Phí, lệ phí năm 2016;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;
- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Nhật D:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Nhật D, sinh năm 1990 ly hôn với ông Trịnh Văn C, sinh năm 1979

Về con chung: Giao con chung Trịnh Gia T (nam), sinh ngày 26/01/2009 cho bà Lê Thị Nhật D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên Tòa án không xem xét trong vụ án.

## 2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình 300.000đồng, bà Lê Thị Nhật D phải nộp nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai thu số 0058578 ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí.

## 3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- UBND xã T, huyện T,  
Thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu:VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Trần Thị Thanh**

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Tiến Dũng**

**Nguyễn Thị Hương**

**Trần Thị Thanh**

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- UBND xã Đức Bình, huyện Tánh Linh, Tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---

*Thành phố Thủ Đức, ngày 18 tháng 02 năm 2022*

## **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Hôm nay vào lúc 09 giờ 15 ngày 18 tháng 02 năm 2022

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Bà Huỳnh Tiến Dũng

Đã nghị án xét xử vụ án thụ lý số 1398/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Nhật D, sinh năm 1990

HKTT: Ấp Thới Khánh A, xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, Thành phố Cần Thơ

Địa chỉ: Số 2/2B Đường 20, Tổ 4, Khu phố 3, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Trịnh Văn C, sinh năm 1979

HKTT: Ấp Thới Khánh A, xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, Thành phố Cần Thơ

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Hội đồng xét xử thống nhất (biểu quyết thống nhất 3/3):

Bà Lê Thị Nhật D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Văn C cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn khởi kiện của bà D phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Trịnh Văn C, là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên Tòa. Tuy nhiên, ông C vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ theo quy định tại Điều b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông C.

[2] Về nội dung: Bà Lê Thị Nhật D và ông Trịnh Văn C kết hôn với nhau do tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ cấp chứng nhận kết hôn số 173/2008 ngày 10/10/2008 nên là hôn nhân hợp pháp.

Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông C nhưng Tòa án không nhận được trả lời của ông, chứng tỏ ông không quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà D.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà D, Hội đồng xét xử xét, theo lời trình bày của bà D thì sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến năm 2019 giữa bà D và ông C phát sinh mâu thuẫn do ông C chơi cờ bạc dẫn đến nợ, bà D nhiều lần phải trả nợ cho ông dẫn đến mâu thuẫn, từ đó ông C thường hay say xỉn và ghen tuông vô cớ.

Theo nội dung Văn bản số 3722/UBND ngày 13/12/2021 của Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu thì trong thời gian bà D và ông C chung sống tại địa phương có phát sinh mâu thuẫn, ông Trịnh Văn C thường xuyên nhậu sủi, không quan tâm chăm lo gia đình, tình trạng mâu thuẫn trầm trọng.

Như vậy, mâu thuẫn giữa ông C, bà D là có thật, bà D và ông C đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Bà D và ông C đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng là phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau như theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, bà D không muốn đoàn tụ gia đình và có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là yêu cầu chính đáng phù hợp với Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ theo Giấy khai sinh số 40 ngày 19 tháng 02 năm 2009 do Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ cấp nên có cơ sở xác định trẻ Trịnh Gia Tuấn (nam), sinh ngày 26/01/2009 là con chung của bà D, ông C.

Bà D có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trịnh Gia Tuấn (nam), sinh ngày 26/01/2009 và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã triệu tập họp lệ ông C đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông C vẫn không đến và cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con.

Theo nội dung Văn bản số 3722/UBND ngày 13/12/2021 của Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu thì hiện nay trẻ Trịnh Gia Tuấn đang sống cùng bà Lê Thị Nhật D.

Vì vậy, để ổn định về mặt thể chất cũng như tinh thần cho trẻ nghỉ nên chấp nhận yêu cầu của bà D giao con chung Trịnh Gia Tuấn (nam), sinh ngày 26/01/2009 cho bà Lê Thị Nhật D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Do đó Hội đồng xét xử thống nhất (biểu quyết thống nhất 3/3):

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các điều 51, 56, 57, 58, 59, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Luật Phí, lệ phí năm 2016;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Nhật D:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Nhật D, sinh năm 1990 ly hôn với ông Trịnh Văn C, sinh năm 1979

Về con chung: Giao con chung Trịnh Gia Tuấn (nam), sinh ngày 26/01/2009 cho bà Lê Thị Nhật D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung, nợ chung: Dương sự khai không có nên Tòa án không xem xét trong vụ án.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng, bà Lê Thị Nhật D phải nộp nhưng được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai thu số 0058578 ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 45 ngày 18 tháng 02 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Tiến Dũng**

**Nguyễn Thị Hương**

**Trần Thị Thanh**

